

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ QUAO  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/DS-ST

Ngày: 10-8-2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoài Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Danh U Nhỏ;

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:* Bà Thị Xà Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: số 40-42-44 Ph, phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Tuấn A là: Ông Trần Văn S, sinh năm 1976 - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch số 3 (GR), Ngân hàng TMCP K.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Trần Văn S là: Ông Trịnh Minh Ng, sinh năm 1977 - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch số 3 (GR), Ngân hàng TMCP K (có mặt).

Địa chỉ: Khu nội Ô, thị trấn G, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

*2. Bị đơn:* Ông Trần Văn U - sinh năm 1968 và bà Dương Thị Minh T - sinh năm 1970 (đều vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp Th1, xã Th2, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị Bích Th - sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Th1, xã Th2, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần K và người đại diện theo ủy quyền lại ông Trịnh Minh Ng trình bày:** Vào ngày 19/12/2014 ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T có đến Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch số 3 vay số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số 052/2014/HĐTD/1007-1460 ngày 19/12/2014; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn là 23/12/2015; Lãi suất trong hạn: 13,89% năm; Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi VNĐ của kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ tại Ngân hàng K công bố tại thời điểm thay đổi lãi suất vay công biên độ 4,14%/năm (0,345%/tháng). Lãi suất vay sau khi thay không được thấp hơn luật suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Ngân hàng K (cùng loại hình và phương thức vay). Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức thanh toán: Kỳ hạn trả lãi vay là 06 tháng/lần và kỳ hạn trả nợ gốc là cuối kỳ (vào ngày đến hạn của hợp đồng).

Đồng thời, ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T có làm hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số 052/2014/HĐTC-BDS/1007-1460 ngày 19/12/2014 là 02 giấy CNQSD đất gồm: Giấy CNQSD đất số AQ 229184, tờ bản đồ số 02, thửa số 30961.02.158C, diện tích là 4.205m<sup>2</sup>, được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 14/8/2009 và giấy CNQSD đất số AQ 229185, tờ bản đồ số 02, thửa số 30961.02.158B, diện tích là 4.995m<sup>2</sup>, được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 14/8/2009, cùng tọa lạc tại ấp Th1, xã Th2, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang do ông U, bà T đứng tên trên giấy. Từ khi vay đến nay ông U, bà T không có trả vốn gốc và lãi cho Ngân hàng. Hiện nay hồ sơ vay đã quá hạn 05 năm.

Nguyên vọng: Ngân hàng TMCP K - phòng giao dịch số 3 yêu cầu ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Bích Th phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền vốn gốc và lãi là tạm tính đến ngày 10/8/2020 là 308.138.438 đồng (trong đó: Nợ gốc 150.000.000đ, lãi trong hạn 20.216.250đ và lãi quá hạn 137.922.188đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 052/2014/HĐTD/1007-1460 ngày 19/12/2014 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp ông U, bà T và chị Th không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 36.054.338 đồng ông Trịnh Minh Ng là người đại theo ủy quyền lại xin rút yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi và yêu cầu Tòa án đình chỉ xét xử.

Bị đơn ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Bích Th không có mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến nay, bị đơn là ông U, bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Th không có mặt ở địa phương nhưng được chính quyền địa phương xác nhận ông U, bà T và chị Th còn ở địa phương nhưng đi làm ở Phú Quốc, đi rồi về, không có tạm trú tại Phú Quốc nên Tòa án đã

tiến hành thủ tục niêm yết tại nơi cư trú của ông U, bà T và chị Th theo qui định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông U, bà T và chị Th vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông U, bà T và chị Th trong vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Bích Th phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tính đến ngày 10/8/2020 là 308.138.438 đồng. Trường hợp ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và chị Trần Thị Bích Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 36.054.338 đồng thì tại phiên tòa người đại theo ủy quyền lại là ông Trịnh Minh Ng xin rút yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử số tiền phạt chậm trả lãi này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với bị đơn ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Bích Th là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Bích Th vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, khi ông U, bà T thực hiện giao dịch với Ngân hàng thì ông, bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông bà cư trú. Hiện nay, ông U, bà T và chị Th vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết đúng theo quy định

tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông U, bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Th theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 473, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Tại hợp đồng tín dụng số 052/2014/HĐTD/1007-1460, ký ngày 19/12/2014 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông U, bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Th không thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng vay cho đến nay nên bên vay là ông U, bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Th đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, buộc ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Bích Th phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp.

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 052/2014/HĐTC-BDS/1007-1460, ký ngày 19/12/2014 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với ông Trần Văn U và bà Dương Thị Minh T có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo 02 giấy CNQSD đất gồm: Giấy CNQSD đất số AQ 229184, tờ bản đồ số 02, thửa số 30961.02.158C, diện tích là 4.205m<sup>2</sup>, được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 14/8/2009 và giấy CNQSD đất số AQ 229185, tờ bản đồ số 02, thửa số 30961.02.158B, diện tích là 4.995m<sup>2</sup>, được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 14/8/2009, cùng tọa lạc tại ấp Th1, xã Th2, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang do ông U, bà T đứng tên trên giấy. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ và đúng theo quy tại khoản 7 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và chị Trần Thị Bích Th tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu phạt chậm trả lãi của Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền là 36.054.338 đồng, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại là ông Trịnh Minh Ng xin rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 217, 218, 219 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

[5] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng thương mại cổ phần K và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn U và bà Dương Thị Minh T và chị Trần Thị Bích Th phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông U, bà T và chị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng và chấp nhận rút một phần yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng đã nộp là 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008845 ngày 23/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và chị Trần Thị Bích Th phải nộp án phí là:  $308.138.438 \text{ đồng} \times 5\% = 15.406.921,9 \text{ đồng}$ , làm tròn là 15.407.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 351, 473, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và chị Trần Thị Bích Th.

Buộc ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và chị Trần Thị Bích Th phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K 308.138.438đ (ba trăm lẻ tám triệu một trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng), gồm có số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 158.138.438 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và chị Trần Thị Bích Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 052/2014/HĐTD/1007-1460, ký ngày 19/12/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số 052/2014/HĐTD/1007-1460, ký ngày 19/12/2014, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và chị Trần Thị Bích Th phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và chị Trần Thị Bích Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo 02 giấy CNQSD đất gồm: Giấy CNQSD đất số AQ 229184, tờ bản đồ số 02, thửa số 30961.02.158C, diện tích là 4.205m<sup>2</sup>, được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 14/8/2009 và giấy CNQSD đất số AQ 229185, tờ bản đồ số 02, thửa số 30961.02.158B, diện tích là 4.995m<sup>2</sup>, được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 14/8/2009, cùng tọa lạc tại ấp Th1, xã Th2, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang do ông U, bà T đứng tên trên giấy để thu hồi nợ.

Khi ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và chị Trần Thị Bích Th trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có nghĩa vụ trả lại 02 giấy CNQSD đất gồm: Giấy CNQSD đất số AQ 229184, tờ bản đồ số 02, thửa số 30961.02.158C, diện tích là 4.205m<sup>2</sup>, được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 14/8/2009 và giấy CNQSD đất số AQ 229185, tờ bản đồ số 02, thửa số 30961.02.158B, diện tích là 4.995m<sup>2</sup>, được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 14/8/2009, cùng tọa lạc tại ấp Th1, xã Th2, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang cho ông U và bà T.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và chị Trần Thị Bích Th đối với yêu cầu phạt chậm trả lãi số tiền là 36.054.338 đồng.

2. Án phí DSST là: 15.407.000đ (mười lăm triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng), buộc ông Trần Văn U, bà Dương Thị Minh T và chị Trần Thị Bích Th phải nộp.

Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch số 3 (GR) được nhận lại 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008845 ngày 23/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 10/8/2020.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Hoài Thanh**